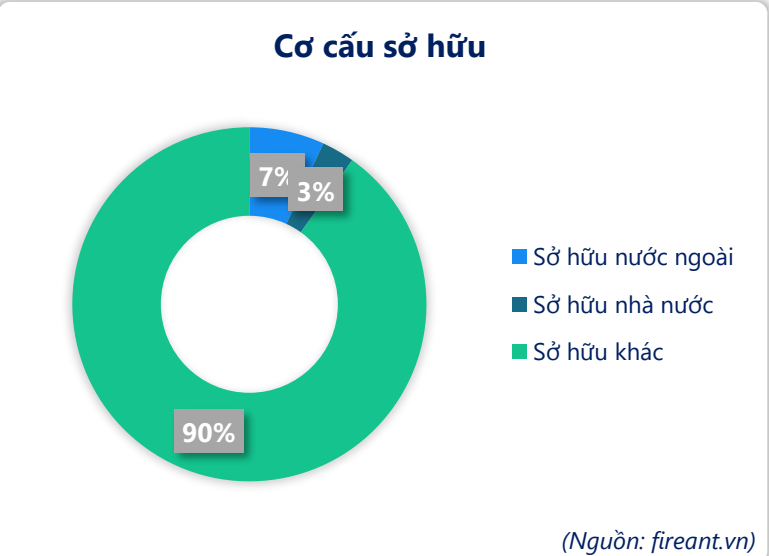
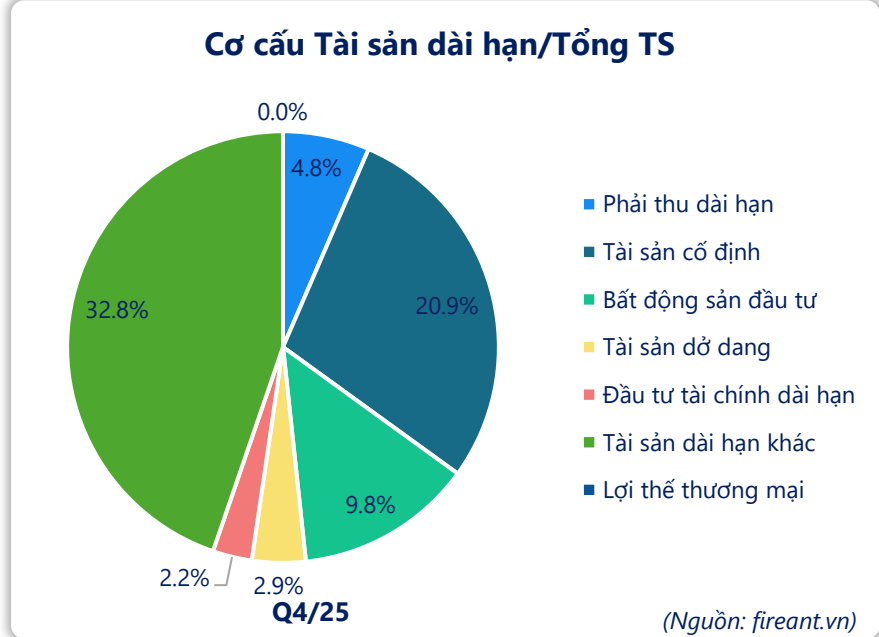
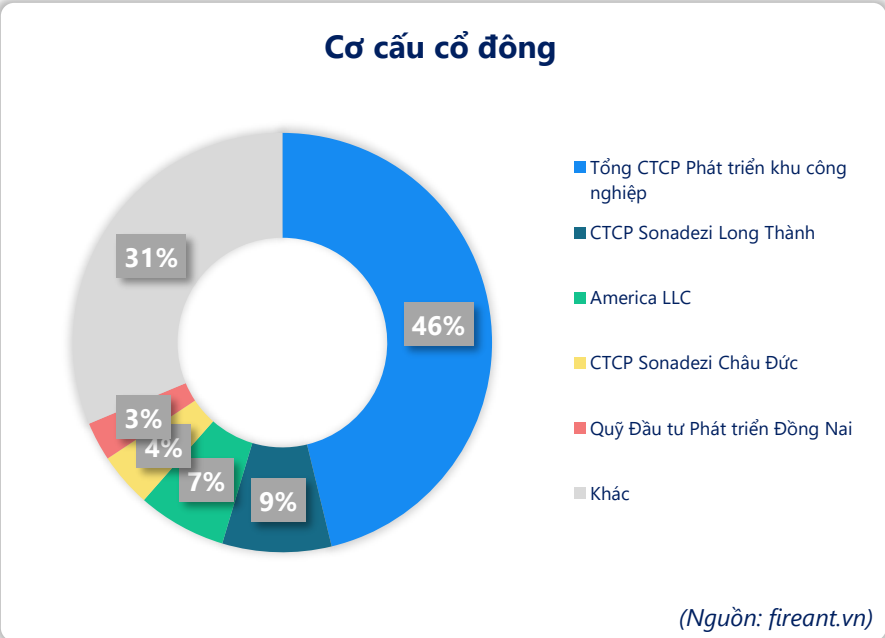
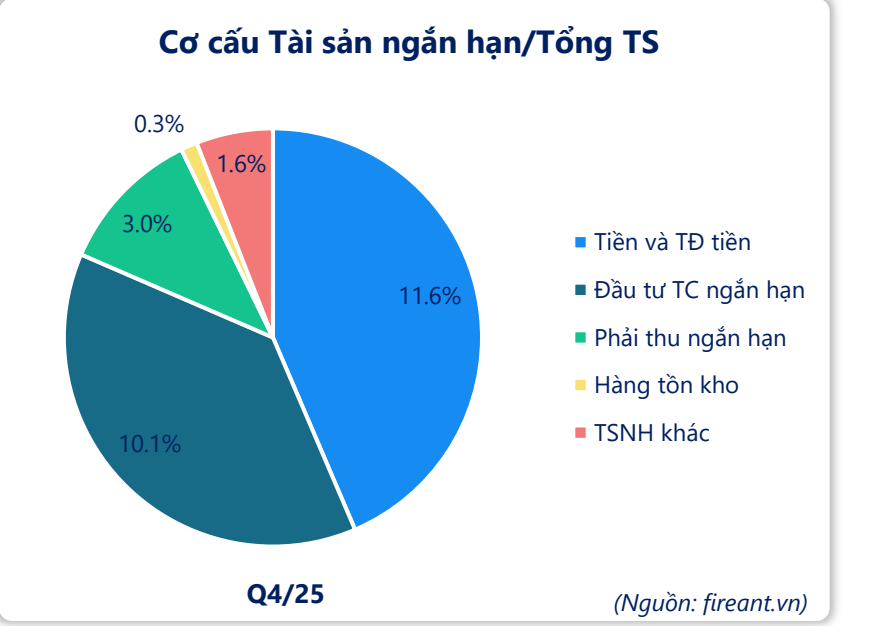
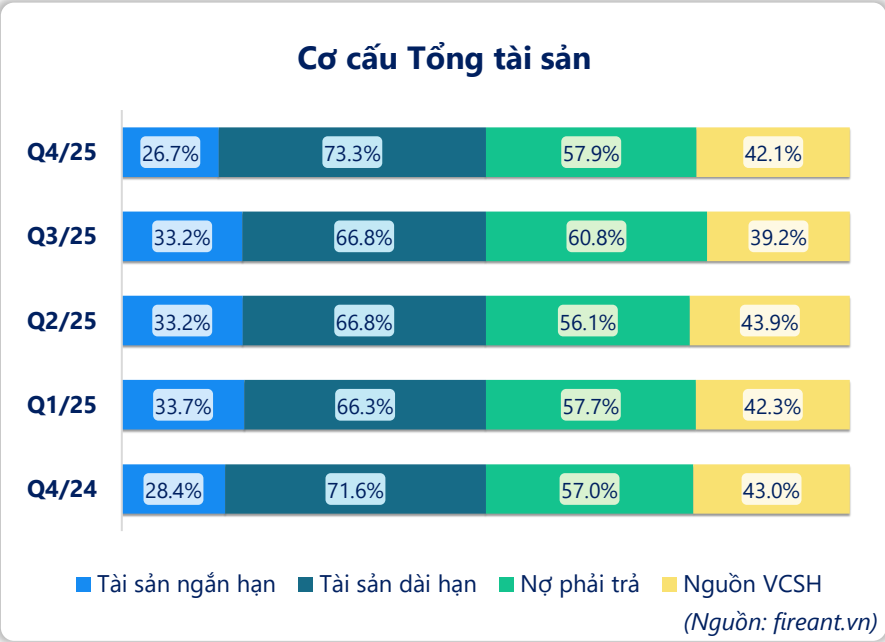


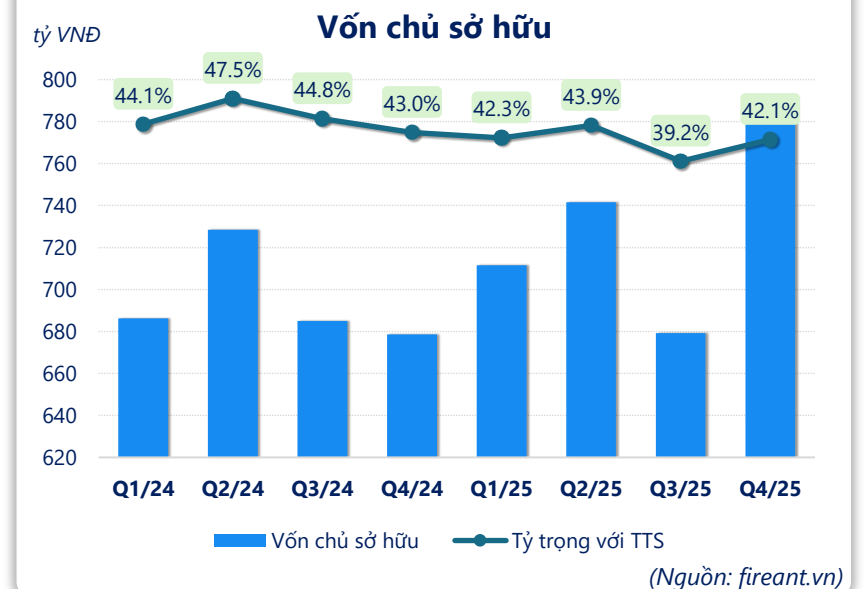
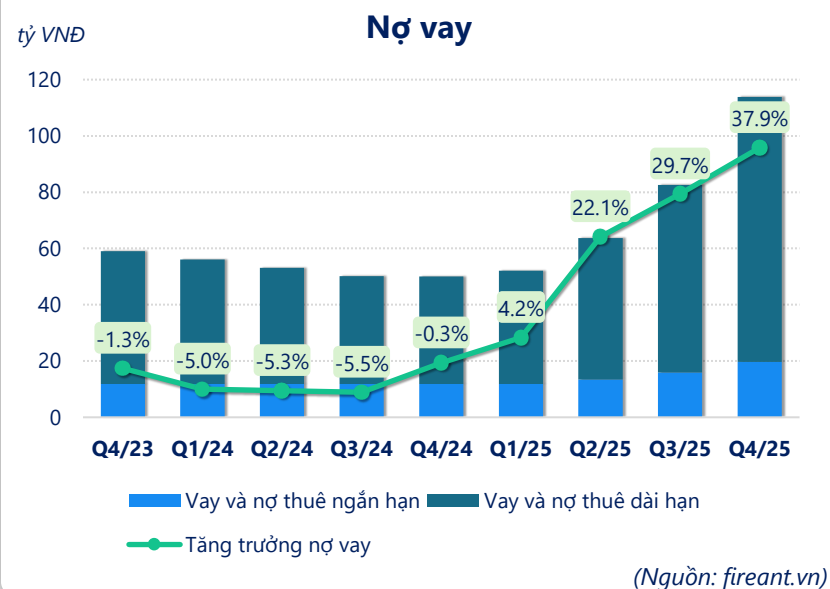
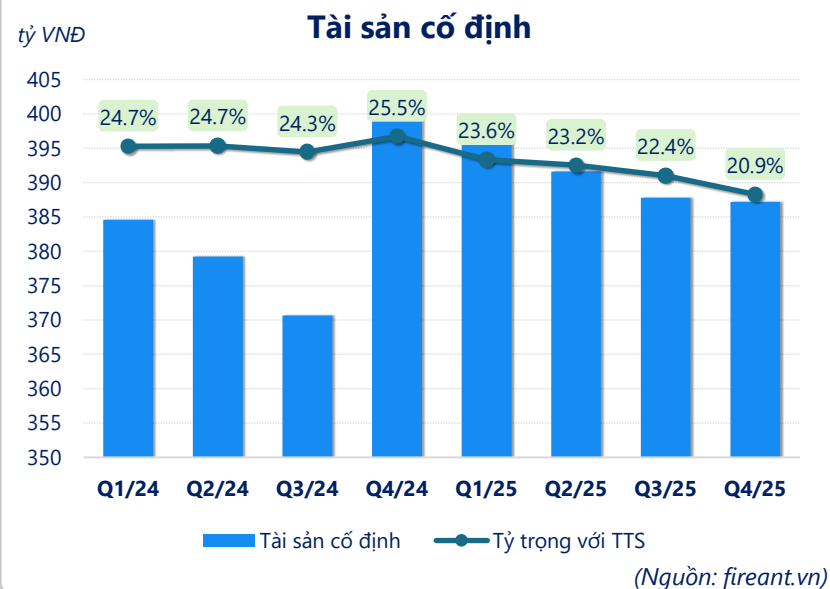
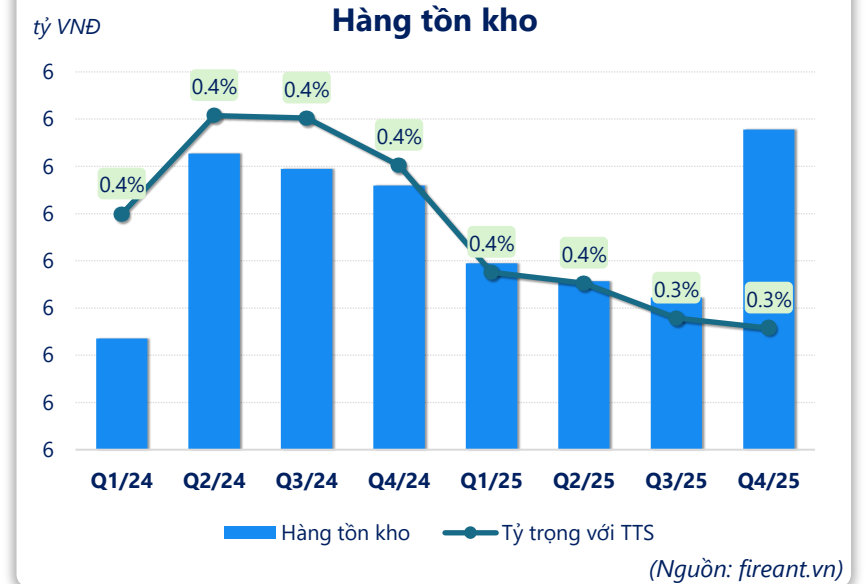
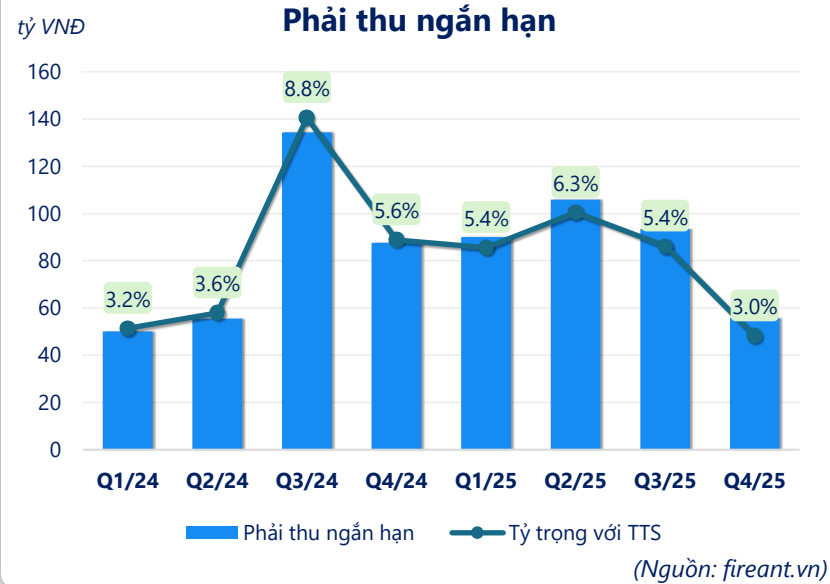
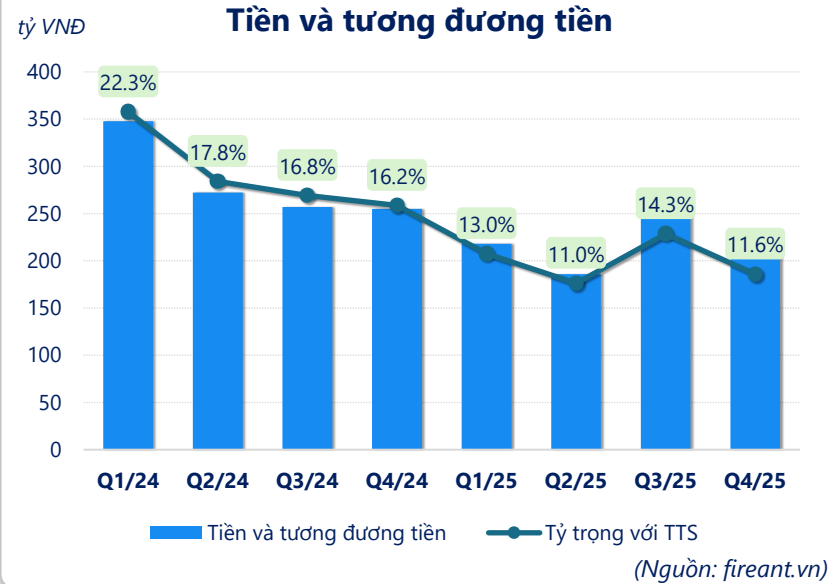
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,793
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,482
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,710
% sở hữu nước ngoài		6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,125
P/E		5.6
EPS		6,724

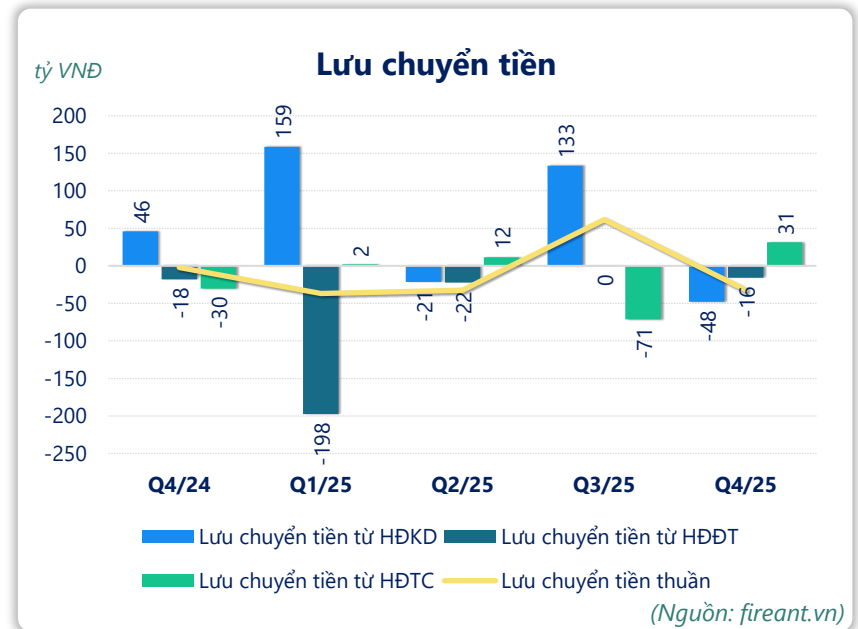
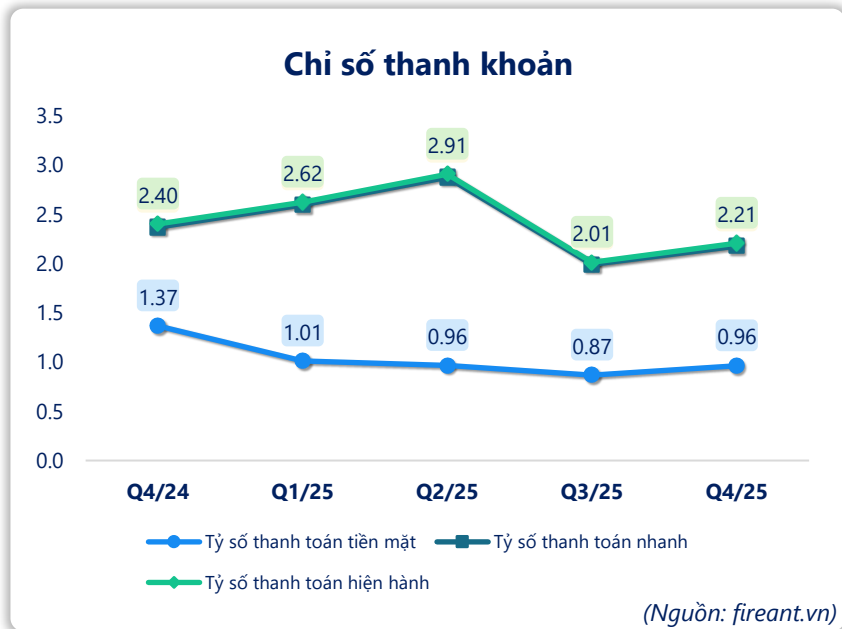
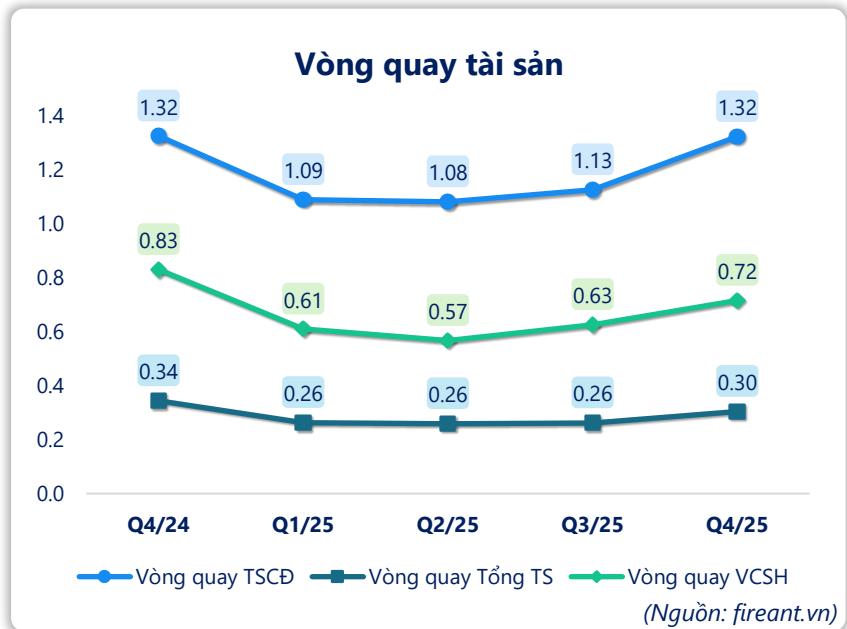
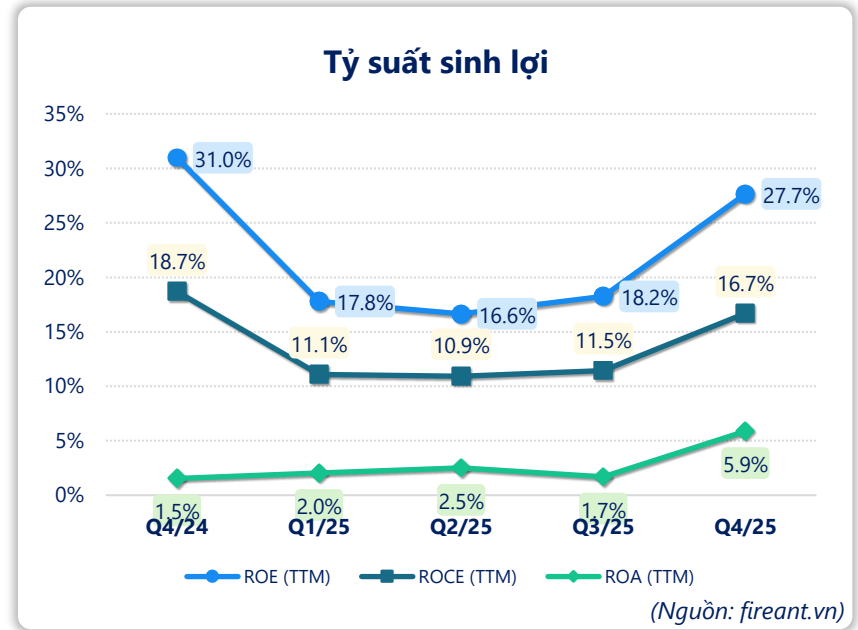
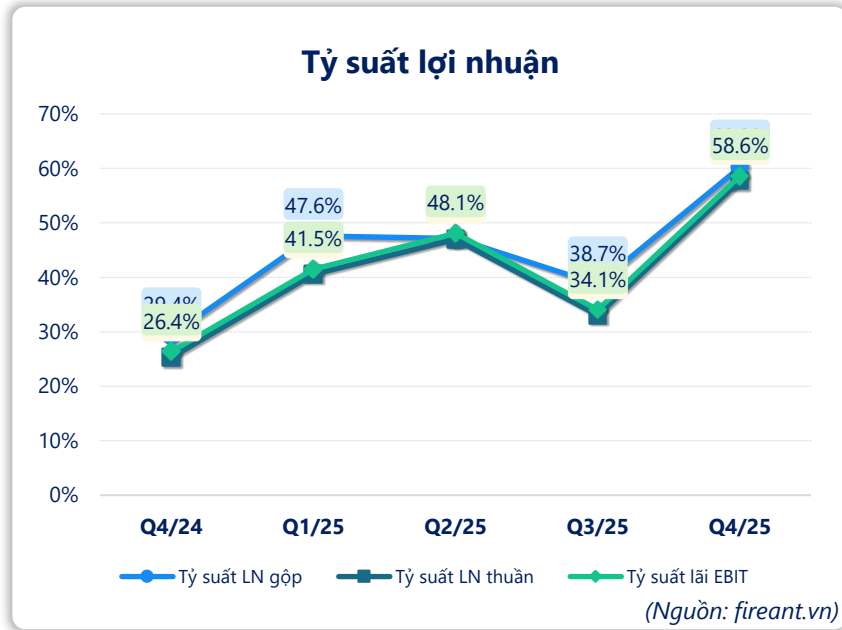
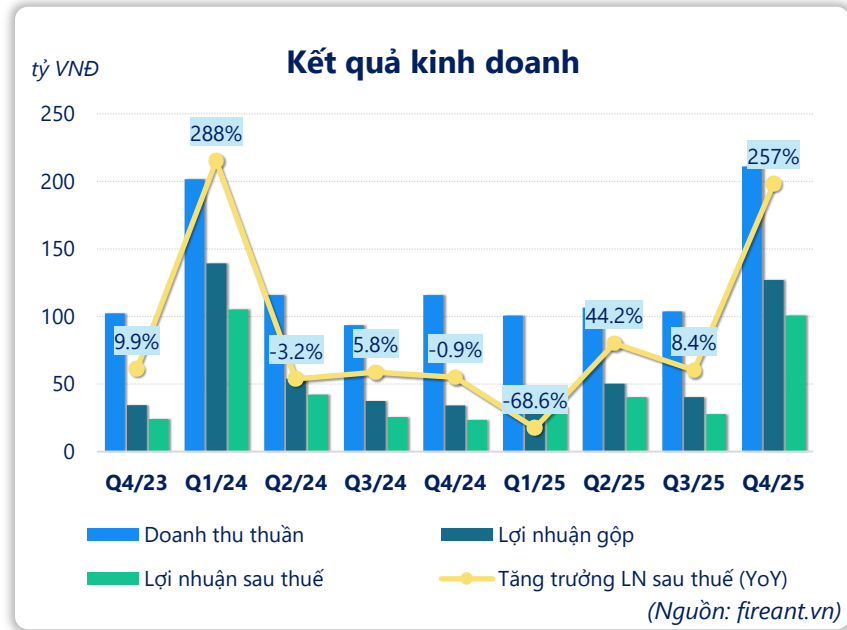
	YTD	1T	3T	6T
SZB	0.0%	0.0%	0.0%	-3.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Sonadezi Long Bình (HNX: SZB)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,854	1,578	17.5%
Tài sản ngắn hạn	494	448	10.4%
Tiền và tương đương tiền	215	255	-15.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	93.5	101%
Phải thu ngắn hạn	55.8	87.7	-36.3%
Hàng tồn kho	6.28	6.16	1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	29.4	5.72	414%
Tài sản dài hạn	1,360	1,130	20.3%
Phải thu dài hạn	88.3	89.6	-1.4%
Tài sản cố định	387	402	-3.8%
Bất động sản đầu tư	181	108	67.4%
Tài sản dở dang	54.6	15.5	253%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	608	474	28.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,074	899	19.4%
Nợ ngắn hạn	224	187	20.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.7	11.8	66.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.3	52.3	41.9%
Nợ dài hạn	850	713	19.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	94.1	38.2	146%
Nguồn vốn chủ sở hữu	780	679	15.0%
Vốn chủ sở hữu	780	679	15.0%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	116	101	107	104	211
Giá vốn hàng bán	81.9	52.7	56.3	63.6	84.0
Lợi nhuận gộp	34.1	47.9	50.2	40.2	127
Doanh thu HĐTC	4.91	1.27	7.49	2.39	6.92
Chi phí TC	0.93	0.64	0.84	0.59	1.06
Chi phí lãi vay	0.93	0.64	0.84	0.59	1.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.40	0.28	0.62	1.06	1.33
Chi phí QLDN	8.31	7.47	6.22	6.64	9.77
LN thuần từ HĐKD	29.3	40.8	50.1	34.3	122
Lợi nhuận khác	0.33	0.34	0.36	0.45	0.74
LN trước thuế	29.7	41.2	50.4	34.7	123
Lợi nhuận sau thuế	23.6	32.9	40.3	27.7	101
LNST của CĐ cty mẹ	23.6	32.9	40.3	27.7	101

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.0	159	-21.4	133	-47.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.0	-198	-22.4	-0.46	-15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.2	2.09	11.5	-71.1	31.3
Tiền đầu kỳ	257	255	218	186	248
Lưu chuyển tiền thuần	-2.12	-36.8	-32.3	61.7	-32.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	255	218	186	248	215

(Nguồn: fireant.vn)